

# CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG BIÊN GIỚI TÂY BẮC VIỆT NAM

TRẦN VĂN HÀ\*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích chính sách của Đảng và Nhà nước ta về xóa đói giảm nghèo, phát triển giáo dục và nguồn nhân lực, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong mối quan hệ với quốc phòng - an ninh tại các tỉnh biên giới Tây Bắc. Khi nêu ra những thành tựu, nguyên nhân chủ quan và khách quan, tác giả đồng thời nêu ra những hạn chế của hệ thống chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới Tây Bắc.

**Từ khóa:** Chính sách dân tộc, kinh tế - xã hội, Tây Bắc, biên giới.

Chính sách dân tộc là một bộ phận quan trọng của chính sách xã hội. Trong những năm Đổi mới, bên cạnh tiếp tục quan điểm nhất quán về vấn đề dân tộc và chính sách đoàn kết dân tộc, Đảng và Nhà nước ta đã có những thay đổi về tư duy và cách tiếp cận để xóa bỏ những xơ cứng và bất cập trong chính sách. Bài viết này chỉ tập trung phân tích chính sách của Đảng và Nhà nước ta về xóa đói giảm nghèo; phát triển giáo dục và nguồn nhân lực; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong mối quan hệ với quốc phòng - an ninh tại các tỉnh biên giới Tây Bắc.

## 1. Chính sách xóa đói giảm nghèo

Thời kỳ Đổi mới, hàng loạt các chính sách lớn, các chương trình dự án đầu tư trực tiếp liên quan đến phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo được thực hiện ở vùng miền núi và dân tộc, trong đó có

địa bàn biên giới Tây Bắc. Các chương trình và dự án như: “Chương trình Mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo”, “Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã, thôn bản miền núi và dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn” (Chương trình 135 giai đoạn II, gọi tắt là CT135- II), các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, Chương trình trồng 5 triệu ha rừng (CT-661), dự án khoanh nuôi và bảo vệ rừng, v.v., đều có nội dung gắn với hỗ trợ sản xuất, giảm nghèo, đặc biệt là với các dân tộc có dân số ít dưới 1 vạn người như Cống, Si La, La Hủ, Máng, v.v.. Kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án đã bước đầu đổi mới diện mạo nông thôn miền núi, vùng cao biên giới Tây Bắc. Hộ đói, nghèo giảm đi với tỷ lệ ấn tượng được các tổ chức quốc tế ghi

---

(\*) Tiến sĩ, Viện Dân tộc học.

nhận. Cuộc sống của đồng bào các dân tộc được cải thiện rõ rệt: “Giảm tỷ lệ hộ nghèo của vùng đặc biệt khó khăn từ 47% năm 2006 xuống 28,8% năm 2010 (bình quân giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 3 - 4%/năm), thu nhập bình quân đầu người tăng từ 2,17 triệu đồng/người/năm vào năm 2005 lên 4,2 triệu đồng/người/năm vào năm 2010”<sup>(1)</sup>. Tuy nhiên, vùng Tây Bắc vẫn có nhiều xã với tỷ lệ hộ nghèo từ 80-85%<sup>(2)</sup>. “Đời sống của một bộ phận dân cư, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Xóa đói, giảm nghèo chưa bền vững, tình trạng tái nghèo cao. Khoảng cách chênh lệch giàu nghèo còn khá lớn và ngày càng doãng ra”. Tỷ lệ đói nghèo của các dân tộc có dân số ít rất cao (của dân tộc Si La là 80% là 85,5%<sup>(3)</sup>). Tây Bắc lại có tốc độ kinh tế phát triển chậm, tập trung đến 20 dân tộc thiểu số, nên tỷ lệ hộ nghèo giảm chậm so với các vùng dân tộc khác của đất nước. Số hộ nghèo ở vùng Tây Bắc đứng đầu về tỷ lệ hộ nghèo, và cao hơn gấp 2 lần so với tỷ lệ nghèo chung của cả nước. Năm 2010, thu nhập bình quân đầu người của 8 vùng kinh tế cả nước, trong đó vùng có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất là Tây Bắc, mức chênh lệch gấp 2,9 lần so với vùng thu nhập bình quân đầu người cao nhất là Đông Nam Bộ<sup>(4)</sup>. Tại Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2013 của Ban Chỉ đạo Tây Bắc cho

biết, năm 2012, tăng trưởng GDP vùng Tây Bắc đạt 9,4%, GDP bình quân đầu người đạt 18,4 triệu đồng, thu ngân sách trên địa bàn đạt 17.177 tỷ đồng, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ hộ nghèo toàn vùng còn 25,6%, giảm 3,4% so với năm 2011. Số liệu về tỷ lệ hộ nghèo cả nước là 9,6%, trong khi khu vực Tây Bắc là 24,58%, cá biệt có tỉnh trên 30%<sup>(5)</sup>.

Theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP, tỷ lệ hộ nghèo của một số huyện ở Tây Bắc như tỉnh Điện Biên (gồm các huyện Điện Biên Đông, Mường Nhé, Tủa Chùa, Mường Ảng) là 45,28%; Hòa Bình (huyện Đà Bắc): 26,09%; Lào Cai (các huyện Si Ma Cai, Mường Khương, Bắc Hà): 35,29%; Lai Châu (các huyện Mường Tè, Phong Thổ, Sìn Hồ, Tân Uyên, Than Uyên): 38,88%; Sơn La (các huyện Sốp Cộp, Phù Yên, Bắc Yên,

<sup>(1)</sup> (2011), Dự thảo về Chiến lược công tác dân tộc của Ban Cán sự Đảng và Chính phủ.

<sup>(2)</sup> Ban Chỉ đạo các chương trình giảm nghèo (2010), Báo cáo tổng kết Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010, Hà Nội.

<sup>(3)</sup> Dẫn theo: <http://www.baomoi.com/Cac-dan-toc-rat-it-nguoi-co-nguy-co-suy-giam-moi-mat/59/3093752.epi>: Các dân tộc ít người có nguy cơ suy giảm mọi mặt.

<sup>(4)</sup> UNDP & CEMA (2012), Dự án Tăng cường năng lực cho công tác xây dựng và thực hiện các chính sách dân tộc (EMPCD), Hà Nội.

<sup>(5)</sup> Dẫn theo: <http://www.baoxaydung.com.vn/news/vn/thoi-su/xoa-doi-giam-ngheo-uu-tien-hang-dau-cho-tay-bac.html>, ngày 11 tháng 7 năm 2013.

Quỳnh Nhai và Mường La): 31,35%; Phú Thọ (huyện Tân Sơn): 16,55% và tỉnh Yên Bái (gồm các huyện Mù Cang Chải, Trạm Tấu): 32,53%<sup>(6)</sup>.

Tại vùng biên giới Tây Bắc, các dân tộc không chỉ nghèo về thu nhập và điều kiện sống như các hộ nghèo ở vùng thấp, vùng đồng bằng, mà còn nghèo về tiếp cận các dịch vụ phúc lợi xã hội (giáo dục, y tế, giao thông, điện, nước, thông tin, thương mại,...). Nguyên nhân của nghèo đói là: trình độ giáo dục thấp; tính di chuyển kém; ít tiếp cận với các dịch vụ tài chính; ít đất sản xuất; ít tiếp cận với thị trường; lối suy nghĩ rập khuôn cùng các rào cản văn hóa khác<sup>(7)</sup>.

Phân hóa giàu nghèo còn biểu hiện ở các dân tộc trong vùng. Các dân tộc có dân số ít như La Hủ, Cống, Si La, Mảng, Khơ-mú, Kháng, Hà Nhì, v.v. đều có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất ở vùng biên giới Tây Bắc. Vì vậy, công tác xóa đói, giảm nghèo là nhiệm vụ hàng đầu của các tỉnh trong vùng Tây Bắc trong thời gian tới, như Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2013, Ban Chỉ đạo Tây Bắc khẳng định.

## **2. Chính sách phát triển giáo dục và nguồn nhân lực**

Công tác giáo dục của vùng Tây Bắc từ sau Đổi mới đã có những tiến bộ đáng kể. Từ năm 2001 đến nay, các địa phương đã hoàn thành và tập trung duy trì, nâng cao chất lượng kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ

cập bậc trung học cơ sở (THCS). Các xã đều có trường hoặc lớp tiểu học, không còn tình trạng xã trắng về giáo dục, các lớp mẫu giáo cũng bước đầu được hình thành và phát triển ở các xã vùng cao biên giới. Loại hình trường bán trú dân nuôi ở các điểm, cụm trường trong vùng đã tạo điều kiện cho các em học sinh dân tộc được đến trường, góp phần quan trọng đẩy mạnh thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và THCS. Vùng Tây Bắc đã có 344 trường tiểu học và 157 trường THCS nội trú dân nuôi, chiếm hơn 53% số trường tiểu học và THCS nội trú dân nuôi cả nước. Số học sinh nội trú dân nuôi trong các trường tiểu học và THCS vùng Tây Bắc vào khoảng 30.655 học sinh, chiếm 45,8% số học sinh nội trú dân nuôi cả nước. Tỷ lệ xã có trường tiểu học, nhà trẻ, lớp mẫu giáo là 97%<sup>(8)</sup>.

Chính phủ đã có rất nhiều nỗ lực trong hỗ trợ đồng bào vùng dân tộc thiểu số tiếp cận với giáo dục, đào tạo,

<sup>(6)</sup> Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2012), *Quyết định phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2011*, Quyết định số 375/QĐ-LĐTBXH, ngày 28 tháng 3 năm 2012.

<sup>(7)</sup> Viện Dân tộc, Ủy ban Dân tộc, Tóm tắt một số phát hiện chính trong báo cáo phân tích xã hội quốc gia: Dân tộc và phát triển ở Việt Nam, *Thông tin khoa học phục vụ lãnh đạo*, Số 1, tháng 8 năm 2009.

<sup>(8)</sup> Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2011), *Dự thảo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2020*, Hà Nội.

nhưng cho đến nay tiếp cận giáo dục - đào tạo của đồng bào vẫn còn ở mức thấp hơn so với các vùng khác. Tại các xã đặc biệt khó khăn vùng biên giới Tây Bắc, tỷ lệ nhập học ở bậc tiểu học chỉ đạt 80%, ở bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông tương ứng là 60% và 38%<sup>(9)</sup>. Tại vùng sâu, vùng xa nhiều người dân tộc thiểu số, thậm chí trẻ em vào lớp một vẫn không biết tiếng phổ thông. Mặc dù đã phổ cập tiểu học, nhưng vẫn có nhiều người tái mù chữ. Tình trạng này phổ biến hơn ở các dân tộc có dân số ít dưới 1 vạn người như Cống, Bô Y, Si La, Mảng, La Hủ, Cơ Lao, Lự ở vùng Tây Bắc.

Tỷ lệ không đi học, bỏ học cao ở các xã đặc biệt khó khăn thuộc các dân tộc có dân số ít (như Cống, Mảng, La Hủ, Si La) đang là một vấn đề đáng lo ngại. Việc bỏ học chủ yếu xảy ra khi chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở và từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông. Lý do học sinh bỏ học chủ yếu do quan niệm về sự học, không theo kịp chương trình học. Bên cạnh đó, còn có lý do là chất lượng của nhiều giáo viên thấp, thiếu kinh nghiệm, mới ra trường đã lên công tác ở vùng cao biên giới và chính sách đãi ngộ chưa thỏa đáng.

Một số tỉnh ở Tây Bắc đã có trường cao đẳng, đại học để đào tạo nguồn nhân lực cho vùng dân tộc và miền núi. Việc dạy tiếng Việt và chữ dân tộc, song ngữ Việt - dân tộc ở Tây Bắc như chữ Thái,

Hmông trong trường học tuy đã được Bộ Giáo dục trước đây (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo) quan tâm và xây dựng chương trình, nhưng hiệu quả thực tế chưa thành công, còn thiếu bền vững. Tình trạng thiếu số lượng cán bộ, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ yếu về chuyên môn rất phổ biến ở vùng biên giới. Đa số cán bộ cơ sở là người dân tộc tại chỗ tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp có trình độ học vấn thấp, chưa qua đào tạo. Cơ cấu nguồn nhân lực mất cân đối. Nhận thức xã hội và kỷ luật lao động của họ chưa năng động. Những người có trình độ tốt sau khi học xong thường không muốn quay trở lại vùng cao, vùng sâu, vùng khó khăn để làm việc. Chính sách cử tuyển, bù điểm, lấy số lượng bù chất lượng ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở. Bên cạnh đó, không ít cán bộ lãnh đạo ở vùng biên giới chưa thực sự hiểu biết về lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán các dân tộc thiểu số nơi mình đến công tác.

Có thể nói, rào cản giáo dục đối với người dân tộc thiểu số dẫn tới nhiều khó khăn lâu dài và đó cũng chính là một trong những thách thức không nhỏ để đạt được sự phát triển kinh tế cao hơn nữa. Tỷ lệ biết đọc, biết viết, khả năng

---

<sup>(9)</sup> Phạm Thái Hưng và các cộng sự (Indochina Research and Consulting - IRC) (2011), *Nghèo của Dân tộc thiểu số ở Việt Nam: Hiện trạng và Thách thức ở các xã thuộc Chương trình 135 Giai đoạn II, 2006-2007*, Hà Nội.

nói tiếng Việt hạn chế sẽ cản trở người dân tộc thiểu số trong việc tận dụng những cơ hội kinh doanh, tạo thu nhập và vô hình dung đưa họ vào những lĩnh vực mang lại thu nhập thấp của nền kinh tế nông nghiệp tự cung, tự cấp<sup>(10)</sup>.

Phát triển giáo dục và nguồn nhân lực cho vùng biên giới Tây Bắc cho thấy 5 vấn đề đang đặt ra cần giải quyết. *Một là*, phải đổi mới nhận thức về đào tạo nguồn lực. Đào tạo đội ngũ cán bộ cho hệ thống chính trị cơ sở trong tình hình mới phải thấy được tính đặc thù vùng, miền bên cạnh sự năng động và nắm bắt được chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc giải quyết vấn đề dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc ở địa phương. *Hai là*, phát triển nguồn nhân lực phải được coi như khâu đột phá trong sự nghiệp giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội (đào tạo, sử dụng người dân tộc thiểu số ở mọi cấp, ngành). *Ba là*, phát triển nguồn nhân lực phải hướng tới đào tạo toàn diện, đồng bộ về số lượng chuyên môn, ngành nghề, coi trọng về chất lượng. *Bốn là*, cần coi việc phát triển giáo dục và nguồn nhân lực dân tộc thiểu số là đầu tư cho phát triển bền vững hiện tại và tương lai. *Năm là*, Nhà nước cần có chính sách đảm bảo nguồn nhân lực, phát huy tinh thần tự lực, ý thức vươn lên của các dân tộc và phát huy nguồn lực ở cộng đồng với sự tham gia của người dân.

### **3. Chính sách xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong mối quan hệ với quốc phòng - an ninh**

Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ổn định và đảm bảo quốc phòng - an ninh có tác động rất lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc ở vùng biên giới Tây Bắc trong tình hình hiện nay.

Hệ thống chính trị cơ sở hiện nay (bao gồm tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể) ở vùng biên giới Tây Bắc đã được củng cố khá cơ bản so với thời kỳ trước Đổi mới (năm 1986). Tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số tham gia ở các cấp đã được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số ở cấp tỉnh tuy còn thấp, nhưng lại có xu hướng tăng dần ở cấp xã. Ở từng dân tộc lại có sự khác biệt về sự tham gia vào hệ thống chính trị cơ sở địa phương khác nhau do nhiều yếu tố, trong đó có số lượng dân số của dân tộc sống trong địa bàn chi phối.

Thời gian qua việc đấu tranh phòng, chống âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch, bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hoá tư tưởng, an ninh kinh tế đã có kinh nghiệm và chủ động ở vùng biên giới

---

<sup>(10)</sup> Viện Dân tộc, Ủy ban Dân tộc (2009), “Tóm tắt một số phát hiện chính trong báo cáo phân tích xã hội quốc gia: Dân tộc và phát triển ở Việt Nam”, *Thông tin khoa học phục vụ lãnh đạo*, số 1.

Tây Bắc. Bên cạnh xây dựng và triển khai phương án phòng, chống khủng bố, phá hoại, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, các tỉnh ở Tây Bắc đều thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm và Chương trình hành động phòng, chống ma túy, tích cực đấu tranh bài trừ các tệ nạn xã hội. Với sự hỗ trợ của nhân dân, lực lượng an ninh và bộ đội biên phòng đã triệt phá hầu hết các vụ án hình sự nghiêm trọng, kiềm chế sự gia tăng của các loại tội phạm, bước đầu làm giảm đối tượng nghiện ma túy. Quốc phòng, an ninh ở địa bàn dân tộc thiểu số, miền núi biên giới Tây Bắc được củng cố tăng cường; khối đại đoàn kết các dân tộc ngày càng vững mạnh; đồng bào các dân tộc ngày càng gắn bó, tin tưởng vào đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước. Tuy vậy, trước những thách thức mới của phát triển và hội nhập, hệ thống chính trị ở cơ sở vẫn bộc lộ nhiều yếu kém, nhất là hệ thống cán bộ cấp xã. Số lượng cán bộ chủ chốt là người dân tộc thiểu số ít, trình độ hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo, quản lý xã hội và xử lý các tình huống xảy ra. Việc bỏ học của học sinh dân tộc thiểu số đã dẫn đến sự thiếu vắng của giáo viên ở các trường phổ thông và cán bộ là người dân tộc thiểu số tại chỗ ở cấp xã và ở các cấp cao hơn<sup>(11)</sup>. Người có uy tín có vai trò quan trọng nhất, tính sở hữu cộng đồng được

đề cao vẫn còn phổ biến là những đặc điểm rất cần được chú ý trong quá trình củng cố hệ thống chính trị cơ sở tại vùng biên giới.

Việc tiếp tục chỉ đạo và tăng cường thực hiện các chính sách nhằm kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng nền quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân, giữa quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao trình độ cán bộ dân tộc thiểu số để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ là hết sức cần thiết ở vùng biên giới Tây Bắc.

Công tác giữ gìn an ninh, trật tự và an toàn xã hội cũng như tiếp tục củng cố hệ thống chính trị cơ sở vùng biên giới Tây Bắc đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết. Tình hình an ninh chính trị ở các huyện, xã vùng biên giới, tiềm ẩn nhân tố gây mất ổn định. Hàng loạt yếu tố có nguy cơ gây ảnh hưởng đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội và củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc vùng biên giới Tây Bắc. Đó là: hạn chế về quản lý quan hệ xã hội và thực hiện chính sách an sinh xã hội; sự chênh lệch mức sống ngày một tăng giữa các nhóm xã hội, các dân tộc có dân số ít vùng biên giới với các dân tộc khác trong nội địa; tình hình di cư tự do của một bộ phận người

---

<sup>(11)</sup> Theo khảo sát của Ngân hàng Thế giới (2009), “Hiện trạng thiếu vắng cán bộ là người các dân tộc thiểu số cũng diễn ra ở nhiều địa bàn miền núi khác”.

Hmông ở vùng biên giới; mâu thuẫn, tranh chấp đất đai chưa được giải quyết triệt để; các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh nhiều hoạt động nhằm lôi kéo một số bộ phận người Hmông gây bạo loạn, “xung vua” phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; hoạt động truyền đạo trái pháp luật vẫn diễn ra dưới nhiều hình thức; vấn đề buôn bán người, buôn bán ma túy ở vùng biên giới, v.v..

#### **4. Kết luận**

Từ sau Đổi mới, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước thể hiện rõ rệt qua các Chương trình, Dự án nhằm phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi và dân tộc. Chính sách đó đã có những điều chỉnh để đảm bảo sự phù hợp và hiệu quả; đã làm thay đổi đáng kể điều kiện kinh tế - xã hội của vùng biên giới Tây Bắc.

Tuy nhiên, hệ thống chính sách liên quan tới sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng biên giới Tây Bắc cũng bộc lộ những điểm hạn chế cần điều chỉnh, trong đó có các Chương trình, Chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội (Chính sách của CT30a, Chính sách của CT135-II, Chính sách 134, Chính sách về di dân ra sát biên giới, Chính sách về định canh định cư). Nguồn lực đầu tư để thực hiện chính sách còn dàn trải, thiếu tập trung và thiếu lồng ghép trên cùng địa bàn, điều đó gây lãng phí nguồn lực. Định mức đầu tư đã thấp lại chưa đủ theo quy định. Một số chính sách được

ban hành nhưng không được cấp vốn, điều đó khiến các địa phương vùng biên giới không thể tìm thêm nguồn kinh phí thực hiện. Một số chính sách có mục tiêu, nội dung bị chồng chéo trên cùng một địa bàn với nhiều đầu mối quản lý. Có những chính sách thực hiện không phù hợp, chưa gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cụ thể của địa phương, chậm được tổng kết, đánh giá, điều chỉnh. Một số chính sách không phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội của tộc người và của vùng; thiếu sự tham gia của cộng đồng; không tính đến khả năng duy trì hiệu quả hậu chương trình, dự án; chưa tạo động lực, cơ hội cho phát triển của cộng đồng; ngược lại, tạo ra tính ỷ lại cho đối tượng được hưởng lợi, hạn chế huy động các nguồn lực và phát huy nội lực của cộng đồng.

Đào tạo đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số là một vấn đề có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Chúng ta cần phải có nhận thức mới về nhu cầu xã hội và tầm quan trọng của đội ngũ cán bộ ở vùng biên giới Tây Bắc; phải có lộ trình đào tạo đội ngũ này theo từng giai đoạn, tạo điều kiện cho họ nghiên cứu, học tập, giao tiếp xã hội rộng rãi.

Vùng biên giới Tây Bắc là địa bàn chiến lược, đa tộc người, nhưng chính sách dân tộc còn nhiều bất cập và chưa phù hợp với bối cảnh hội nhập. Đây là vấn đề cần tập trung nghiên cứu kỹ lưỡng.

